

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-03-2026

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân; Ông Nguyễn Văn Biên

Thư ký phiên tòa: Bà [Lê Thị Thu Hà](#) - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: “ *Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông [Nguyễn Mạnh Q](#) sinh năm 1963

CCCD số: 038063022404, do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/08/2021

Nơi ĐKNKTT: [Tổ dân phố C B, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#)

Nơi ở hiện nay: [TDP F P, phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#)

(Ông [Q](#) có mặt)

- Bị đơn: Bà [Phạm Thị N](#) sinh năm 1963

CCCD số 038163028090, do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 01/7/1963

Nơi cư trú: [Tổ dân phố C B, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#)

(Bà [N](#) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông [Nguyễn Mạnh Q](#) trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà [Phạm Thị N](#) kết hôn với nhau vào năm 1963, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là xã H, tỉnh Thanh

[Hóa](#)). Hai bên đến với nhau hoàn toàn tự nguyện và chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, ông [Q](#) đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà [Phạm Thị N](#).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Thị Thanh N1](#) (giới tính: nữ), sinh ngày (17/12/1987) hiện đã đủ tuổi thành niên, nên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản: Ông và bà [N](#) đã tự thỏa thuận phân chia trước khi ông làm đơn ly hôn, nên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2025, quá trình giải quyết bị đơn bà [Phạm Thị N](#) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông [Q](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại [UBND xã H, huyện H, Thanh Hóa](#) vào năm 1986 (nay là [xã H, tỉnh Thanh Hóa](#)). Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông [Q](#) có quan hệ ngoài luồng và đã có con riêng. Vì vậy, ông [Q](#) không còn quan tâm đến vợ con nữa. Mâu thuẫn đặc biệt trầm trọng xảy ra vào năm 2022, hai người sống ly thân mỗi người một nơi ông [Q](#) sống tại [phường P \(nay là phường Q, Thanh Hóa \)](#) còn bà sống tại [phường B nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa](#)). Về quan hệ hôn nhân, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã không chung sống cùng nhau. Tuy nhiên bà yêu cầu ông [Q](#) phải giải thích rõ về 02 con riêng của ông [Q](#) với người phụ nữ khác thì bà mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Thị Thanh N1](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 17/12/1987 hiện đã thành niên và đã có gia đình riêng nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng bà đã tự giải quyết phân chia tài sản nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông [Nguyễn Mạnh Q](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà [Phạm Thị N](#), không đề nghị giải quyết phần con cái và tài sản. Bà [Phạm Thị N](#) vắng mặt tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 bà [Phạm Thị N](#) vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh hoá xét xử vắng mặt đối với bà [Phạm Thị N](#).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông [Nguyễn Mạnh Q](#) xử cho ông [Q](#) được ly hôn bà [Phạm Thị N](#). Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Thị Thanh N1](#) (nữ) sinh ngày (17/12/1987), hiện đã thành niên nên đề nghị không xét. Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên đề nghị không xét. Về án phí: Án phí Ly hôn sơ thẩm ông [Q](#) phải nộp 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông [Q](#) là đối tượng người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX miễn án phí Ly hôn sơ thẩm cho ông [Nguyễn Mạnh Q](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông [Nguyễn Mạnh Q](#) khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh hoá giải quyết cho ông được ly hôn với bà [Phạm Thị N](#) là quan hệ pháp luật tranh chấp về: “Ly hôn”. Bà [Phạm Thị N](#) có địa chỉ tại [tổ dân phố C, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#). Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân*: Quá trình giải quyết ông [Nguyễn Mạnh Q](#) và bà [Phạm Thị N](#) khai vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay thuộc [xã H, tỉnh Thanh Hóa](#)). Như vậy đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Ông [Q](#) và bà [N](#) đã tự thoả thuận phân chia tài sản trước khi ông [Q](#) làm đơn ly hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng theo ông [Q](#) khai do bất đồng quan điểm sống, bà [N](#) không quan tâm đến ông, bản thân ông bị ung thư phổi nhưng bà [N](#) không chăm sóc ông dẫn đến vợ chồng rạn nứt tình cảm. Bà [N](#) khai do ông [Q](#) ngoại tình và đã có 02 con riêng với người phụ nữ khác. Về phía bà [N](#) cũng xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nhưng bà yêu cầu ông [Q](#) phải giải thích về con riêng của ông với người phụ nữ khác bà mới đồng ý ly hôn. Xét

thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Q và bà N không còn, ông bà đã sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, đã tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi ông Q làm đơn ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Mạnh Q xử cho ông Nguyễn Mạnh Q được ly hôn bà Phạm Thị N là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là : Nguyễn Thị Thanh N1 (nữ) sinh năm 1987 hiện đã đủ tuổi thành niên và có gia đình riêng nên Toà án không phải giải quyết về phần con chung.

- *Về phần tài sản*: Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

- *Về công nợ*: Vợ chồng không có nợ nần chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Phạm Mạnh Q1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Q1 là đối tượng người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/ 2016 của UBTVQH về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Q

- Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Mạnh Q được ly hôn bà Phạm Thị N.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Thị Thanh N1 (nữ) sinh năm 1987, hiện đã đủ tuổi thành niên nên Toà án không phải giải quyết về phần con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xét.

- Về công nợ: Vợ chồng không có nợ nần gì chung nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí Ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Mạnh Q.

Án xử công khai sơ thẩm ông Nguyễn Mạnh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/03/2026); bà Phạm Thị N được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày
Toà án niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận

- VKSND KV 6- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoạt Giang,
tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương